

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhẫn

Bà Lê Thị Chiên

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở UBND xã HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2018/TLST - HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: LVC, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1984.

Nơi cư trú: thôn DL, xã DD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: LVH và bà: PTV; có vợ là: LTM; có 02 con: lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị LTM, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: thôn DL, xã DD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Ông TVN, sinh năm 1950, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TĐ, xã DT, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Anh ĐVH, sinh năm 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TY, xã KL, huyện YK, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 07/5/2018, LVC, sinh năm 1984 (trú tại: thôn DL, xã DD, huyện TĐ) đang ở nhà thì có đối tượng tự khai tên là NAT (sinh năm 1990 ở tổ 7, phường ĐX, TP PY) gọi điện thoại từ thuê bao số 0886654079 đến số thuê bao 0987882938 của C để hỏi mua 2.000.000đ tiền ma túy đá và bảo C mang xuống quán karaoke A ở thôn H, xã HC, huyện TĐ để bán cho T, C đồng ý. Sau đó, C một mình điều khiển xe mô tô BKS 35H3-2045 của chị LTM (là vợ của C) xuống khu vực cổng bệnh viện Hữu nghị LV thuộc xã DT, thành phố VY mua của một người nam giới (C không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) 01 gói giấy trắng kim loại màu vàng bên trong có 04 túi ni lon nhỏ màu trắng đều chứa ma túy đá với giá 750.000đ. Sau khi mua được ma túy, C điều khiển xe đi về huyện TĐ để bán ma túy cho T. Trên đường đi, C gọi điện cho bạn là anh NAH, sinh năm 1986 ở thôn CC, xã HC, rủ anh H đi chơi và hẹn đón ở khu vực cây xăng A xã HC. Khi gặp anh H, C chở anh H đến quán karaoke A ở thôn H, xã HC nhưng C không nói cho anh H biết đến đó làm gì. Khoảng 16h cùng ngày, khi C chở anh H đến quán karaoke A, C thấy T đứng ở sân, thấy C đến T đã đưa C và anh H vào phòng Vip 1 của quán hát. Khi vào trong phòng, anh H đi lại chỗ máy tính bấm chọn bài để hát còn T, C ngồi ở ghế - đối diện với cửa phòng hát - T hỏi C “đồ đâu” (ý T hỏi C là ma túy đá đâu), C hiểu ý và nói “đây”, nghe C nói vậy T lấy số tiền 2.000.000đ (gồm 04 tờ polime mệnh giá 500.000đ) đưa cho C, C cầm tiền cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi lấy 01 gói giấy trắng kim loại màu vàng, bên trong chứa 04 túi ni lon nhỏ màu trắng chứa ma túy đá để lên mặt bàn rồi dùng tay đẩy về phía T ngồi, T chưa kịp cầm thì bị Công an huyện TĐ phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: Thu trên mặt kính bàn uống nước 01 gói giấy trắng kim loại màu vàng, bên trong có 04 túi ni lon nhỏ, bên trong mỗi túi nilon đều chứa chất tinh thể dạng đá màu trắng - C và T đều khai là ma túy đá C bán cho T nhưng T chưa kịp cầm - niêm phong ký hiệu M1; thu trong túi quần phía trước bên phải C đang mặc số tiền 2.000.000đ (gồm 04 tờ polime mệnh giá 500.000đ), C khai là tiền vừa bán ma túy đá cho T mà có, niêm phong ký hiệu T1; tạm giữ của C 01 xe mô tô BKS 35H3-2045, 01 ví giả da bên trong có 3.000.000đ, 01 đăng ký xe mô tô mang tên ĐVH, 01 điện thoại di động bên trong có thẻ sim 0987882938, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép

lái xe hạng E đều mang tên LVC; tạm giữ của T 01 điện thoại di động bên trong có thẻ sim 0886654079.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ ra quyết định khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật, tài liệu của LVC ở thôn DL, xã DD, huyện TĐ nhưng không thu giữ tài liệu, đồ vật gì của C.

Ngày 07/5/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ ra quyết định trưng cầu giám định số 92 đối với mẫu vật ký hiệu M1. Tại kết luận giám định số 612/KLGD ngày 14/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,2291g (không thấy hai hai chín một gam, không kể bao bì), loại Methamphetamine”*.

Đối với người nam giới bán ma túy cho C, do C không biết tên và địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xác minh, điều tra làm rõ.

Đối với đối tượng tự khai NAT, sinh năm 1990 ở tổ 7, phường DX, TP PY là người đã hỏi mua ma túy của C để sử dụng. Sau khi bị bắt quả tang, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ đưa về trụ sở để lấy lời khai và tường trình sự việc, lợi dụng sơ hở T đã bỏ trốn. Qua điều tra, xác minh tại phường DX, TP PY không có người nào tên là T có lai lịch như đối tượng tự khai. Vì vậy CQĐT tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh NAH là người đi cùng Chín đến quán karaoke A nhưng anh H không biết C đến đó để bán ma túy cho T nên cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ không đề cập xử lý.

Đối với chị LTM: ngày 07/5/2018, cho C sử dụng xe của chị đi mua, bán trái phép ma túy nhưng chị không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị M.

Đối với 01 xe mô tô BKS 35H3-2045, là xe của chị LTM (vợ C) mua lại ở một cửa hàng bán xe máy ở TP VY - chị M không nhớ tên và địa chỉ cụ thể - khoảng tháng 4/2017 với giá 6.000.000đ. Quá trình điều tra xác định người đứng tên đăng ký xe mô tô BKS 35H3-2045 là anh ĐVH, sinh năm 1984 ở xã KL, huyện YK, tỉnh Ninh Bình. Năm 2011, anh H đã bán chiếc xe trên. Qua điều tra xác định xe mô tô BKS 35H3-2045 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Như vậy xác định xe mô tô BKS 35H3-2045 là tài sản hợp pháp của chị M, ngày 07/5/2018 C sử dụng xe đi mua, bán trái phép ma túy, chị M không biết C sử dụng xe để đi mua bán ma túy.

Đối với sim số điện thoại là 0886654079, T sử dụng để liên lạc mua ma túy với C, qua điều tra xác định thẻ sim trên đứng tên người sử dụng là ông TVN, sinh năm 1950 ở thôn TD, xã DT, huyện TĐ. Ông Ng khai từ trước đến nay ông

không đăng ký sử dụng sim nào có số thuê bao 0886654079 và không cho ai mượn CMTND để đăng ký làm thẻ sim điện thoại.

Cáo trạng số: 41/CT-VKSTĐ ngày 16 tháng 07 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ truy tố LVC về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ luận tội đối với bị cáo C, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo LVC phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo LVC khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã bán ma túy cho người thanh niên tên T vào ngày 07/5/2018 tại quán Karaoke A thuộc thôn H, xã HC, như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người mua ma túy, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo LVC phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Điều luật quy định: “*Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”:

2. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là tảo bạo, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo vì ham lợi cho bản thân, bán ma túy đá cho người khác sử dụng, gây nghiện, gây ảo giác, kéo theo các hệ lụy xấu cho chính người sử dụng ma túy, cho gia đình và xã hội. Mặc dù các hành vi liên quan đến ma túy đã được tuyên truyền giáo dục nhiều, song các tội phạm trên cũng chưa giảm, diễn biến phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn. Do

vậy cần xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi xem xét hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp nên khả năng hiểu biết hạn chế nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tuy nhiên, cần xử phạt bị cáo một mức án tù nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,..... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo C thấy rằng: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, việc mua bán ma túy không đem lại thu nhập cho gia đình. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho C tại khu vực bệnh viện LV, thành phố VY. Do C không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của người đó nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng tự khai NAT, sinh năm 1990 ở tổ 7, phường ĐX, TP PY là người đã hỏi mua ma túy của C để sử dụng. Sau khi bị bắt quả tang, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ đưa về trụ sở để lấy lời khai và tường trình sự việc, lợi dụng sơ hở T đã bỏ trốn. Qua điều tra, xác minh tại phường ĐX, TP PY không có người nào tên là T có lai lịch như đối tượng tự khai. Vì vậy CQĐT tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh NAH là người đi cùng Chín đến quán karaoke A nhưng anh H không biết C đến đó để bán ma túy cho T nên cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị LTM: ngày 07/5/2018, cho C sử dụng xe của chị đi mua, bán trái phép ma túy nhưng chị không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị M là đúng quy định của pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số mẫu vật ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả sau giám định là 0,1130gam mẫu cùng toàn bộ bao gói cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.000.000đ thu giữ của LVC là tiền do Ch bán trái phép chất

ma túy mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 ví giả da; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ điều trị Methadone; 01 giấy phép lái xe hạng E đều mang tên LVC. Quá trình điều tra xác định đây là các giấy tờ tùy thân của C, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho C là phù hợp.

Đối với số tiền 3.000.000đ tạm giữ của C, quá trình điều tra xác định đây là số tiền C làm ăn tích góp mà có không phải là tiền thu lời bất chính nên trả lại cho C nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô BKS 35H3-2045 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên ĐVH, là tài sản hợp pháp của chị LTM, ngày 07/5/2018 C sử dụng xe đi mua, bán trái phép ma túy, chị M không biết nên cần trả lại cho chị M.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5 màu vàng, đã qua sử dụng, bên trong lắp thẻ sim có số thuê bao 0987882938 của C, C dùng chiếc điện thoại này để liên lạc, trao đổi mua, bán trái phép ma túy nên cần tịch thu, bán sung quỹ nhà nước, còn thẻ sim có số thuê bao 0987882938 cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng (bên trong có số sim 0886654079), thu giữ của T quá trình điều tra xác định ngày 07/5/2018, T đã sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc, trao đổi mua, bán trái phép ma túy với C nên cần tịch thu, bán sung quỹ nhà nước. Đối với sim số điện thoại là 0886654079 cần tịch thu tiêu hủy.

5. Về án phí: Bị cáo LVC phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên bố: LVC phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: LVC 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Bao gói niêm phong được hoàn trả lại sau giám định 0,1130g; 01 thẻ sim số 0987882938; 01 thẻ sim số 0886654079.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung màu

vàng; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen, đã cũ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 2.000.000đ thu giữ của C.

Trả lại cho LVC: 3.000.000đ; 01 ví giả da; 01 thẻ căn cước công dân; 01 thẻ điều trị Methadone; 01 giấy phép lái xe hạng E.

Trả lại cho chị LTM: 01 xe mô tô BKS 35H3-2045 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên ĐVH

(tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ và Chi cục thi hành án dân sự huyện TĐ).

Án phí: LVC phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Vĩnh Phúc;
- VKSND TĐ;
- TTG Công an Vĩnh Phúc;
- THADS TĐ;
- Công an TĐ;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã DD;
- Bị cáo C;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công